TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HC-PT
Ngày 17-4-2019
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Bà Vũ Thị Thanh Vân

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Đức Hưng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* thành *phố Hải Phòng tham gia phiên toà:* Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 03/2019/TLPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2019 về khiếu kiện quyết định hành chính, do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận L bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1320/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Lô D1 KCN T, xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hòa Quang T- Giám đốc; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn N; trú tại: Số 20/401 B, phường S, quận L, thành phố Hải Phòng (văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 4 năm 2018); có mặt

2. Người bị kiện: Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận L, thành phố Hải Phòng; địa chỉ trụ sở: Số 200 T, quận L, thành phố Hải Phòng

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn Sơn - Phó chi cục trưởng Chi cục thuế quận L; đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền

ngày 22/01/2019); có mặt

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần S là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo Đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty S) được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cho thuê 5.857,20 m^2 đất để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cụm công nghiệp V, phường V, quận L, Hải Phòng. Ngày 12/4/2006, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng và Công ty S đã ký Hợp đồng thuê đất số 25/HĐ-TĐ (sau đây gọi tắt là HĐ số 25) với nội dung: *Công ty Cổ phần S thuê 5.857,2 m^2 đất tại Cụm công nghiệp V, thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 01/8/2001; giá thuê đất được thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-UB ngày 13/4/2001 của UBND thành phố Hải Phòng là 1.000đ/m^2/năm (tính suốt thời gian thuê); giá thuê cơ sở hạ tầng là 2.000đ/m^2 tính trong 21 năm kể từ năm thứ 2 sau khi doanh nghiệp nhận bàn giao mặt bằng từ 01/8/2001*. Công ty S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định từ khi được giao đất tới nay, đồng thời đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của người thuê đất theo đúng hợp đồng.

Ngày 21/12/2017, Chi cục Thuế quận L gửi thông báo số 11624/TB-CCT với nội dung: *số tiền thuê đất và tiền chậm nộp của Công ty Cổ phần S tính đến ngày 20/12/2017 là 703.122.734 đồng (trong đó tiền thuê đất là 624.568.000 đồng và tiền phạt chậm nộp là 78.554.734 đồng)*. Công ty S đã có văn bản kiến nghị không đồng ý vì Chi cục Thuế Quận L xác định tiền thuê đất không đúng theo HĐ số 25, nhưng không nhận được trả lời thỏa đáng.

Ngày 21/3/2018, Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận L đã ban hành Quyết định số 141/QĐ-CCT về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi tại ngân hàng để nộp ngân sách Nhà nước đối với Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là QĐ 141) để thu số tiền thuê đất và phạt chậm nộp là 703.122.734 đồng. Đến ngày 04/5/2018, Công ty S đã bị trích tiền gửi tại ngân hàng để buộc nộp vào vào ngân sách Nhà nước số tiền trên.

Quan điểm của Công ty Cổ phần S về QĐ 141 như sau:

Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành QĐ 141 là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung Quyết định:

+ Công ty S cho rằng tiền thuê đất phải được tôn trọng theo đơn giá qui định tại Điều 2 HĐ số 25. Chi cục Thuế Quận L căn cứ vào Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng,

bãi bỏ Quyết định số 695/QĐ-UB ngày 13/4/2001 để điều chỉnh giá thuê đất đối với 5.857,29m^2 đã cho Công ty S thuê tại Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, khi chưa có văn bản cá biệt của UBND thành phố điều chỉnh giá thuê tại HĐ số 25 là trái pháp luật.

+ Trong trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng muốn điều chỉnh lại đơn giá thuê đất thì phải theo qui định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước; khoản 2 Điều 4 Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT- BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Do đó, Công ty S đề nghị Tòa án hủy QĐ 141.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện người bị kiện trình bày:*

Theo HĐ số 25, Công ty S phải nộp tiền thuê đất theo Quyết định số 695/QĐ-UB ngày 13/4/2001 về việc phê duyệt giá cho thuê đất và cho thuê hạ tầng tại Cụm công nghiệp V. Nhưng ngày 21/11/2012, Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 bãi bỏ Quyết định số 695/QĐ-UB ngày 13/4/2001.

Chi cục Thuế quận L xác định tiền thuê đất phải nộp của Công ty S từ tháng 12/2012 đến nay là đúng quy định của của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, Công ty S không chấp hành nộp tiền thuê đất theo thông báo của Chi cục Thuế, mà chỉ nộp chỉ tiền thuê đất theo Quyết định số 695/QĐ-UB ngày 13/4/2001 đã bị bãi bỏ từ ngày 21/11/2012, dẫn đến việc nợ tiền thuê đất kéo dài.

Do Công ty S vẫn không chấp hành nộp tiền thuê đất theo thông báo nên ngày 21/3/2018, Chi cục trưởng Chi cục thuế quận L đã ban hành QĐ số 141 để cưỡng chế thu số tiền thuê đất và phạt chậm nộp là 703.122.734 đồng. Đến ngày 04/5/2018, Công ty Cổ phần S đã bị ngân hàng trích tiền gửi tại ngân hàng để buộc nộp vào vào ngân sách Nhà nước số tiền trên

Về số tiền thuê đất tạm tính: Chi cục Thuế quận L căn cứ Quyết định số 2970/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về bảng giá đất thành phố Hải Phòng 05 năm (2015-2019); Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 về việc điều chỉnh bảng giá các loại đất trên địa bàn 7 quận thành phố Hải Phòng 05 năm (2015 - 2019), trong đó có Quận L. Theo đó, giá thuê đất của Công ty S được tạm tính

thuế theo giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ theo vị trí I đường Nguyễn Sơn Hà với tổng diện tích là 5.857 m^2, được chia làm 03 tuyến.

Về số tiền chậm nộp: Do Công ty S chậm thực hiện nghĩa vụ nên Chi cục Thuế Quận L đã tính tiền phạt chậm nộp từ ngày 31/10/2015 đến 30/6/2016 là 0,05%/ngày, từ ngày 01/7/2016 đến ngày 20/12/2017 là 0,03%/ngày x số tiền nợ thuế.

Về việc Công ty S đề nghị áp dụng hướng dẫn tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính để tính đơn giá thuê đất thì phải đủ các điều kiện sau: Được Nhà nước cho thuê đất hàng năm theo quy định của pháp luật trước ngày 01 tháng 01 năm 2006; đơn giá đất xác định theo quy định tại Quyết định số 1357/QĐ-TCT ngày 30/12/1995 của Bộ Tài chính về quy định khung giá cho thuê đất đối với các tổ chức trong nước được Nhà nước cho thuê đất. Tuy nhiên, HĐ số 25 được ký sau ngày sau ngày 01/01/2006; giá tiền thuê đất theo Quyết định số 695/QĐ-UB ngày 13/4/2001, không theo quy định về đơn giá thuê đất của Bộ Tài chính tại Quyết định số 1357-TC/QĐ/TCT ngày 30/12/1995. Do đó, Công ty S không thuộc trường hợp được điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định tại Thông tư 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính

Như vậy, Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận L ban hành QĐ 141 là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành.

* Tại bản án hành chinh sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận L đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 6, Điều 114 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 92; Điều 93; Điều 94, Điều 106 Luật Quản lý thuế; khoản 4 Điều 5 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật Thuế số 71/2014/QH13 và khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế số 106/2016/QH13;

Căn cứ Điều 2, Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 4, Điều 11, Điều 15, Điều 26 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 4, Điều 11 Thông tư số 215/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 141/QĐ-CCT ngày 21/3/2018 về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi tại ngân hàng để nộp ngân sách nhà nước của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận L.

Công ty Cổ phần S phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 12 năm 2018, người khởi kiện có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện; hủy bỏ QĐ số 141.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện trình bày là việc Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận L quyết định cưỡng chế nộp tiền thuê đất đối với Công ty S là trái pháp luật; người khởi kiện chỉ chấp nhận nộp tiền thuê đất theo HĐ số 25, nếu muốn áp dụng tiền thuê đất theo giá mới thì Sở TN-MT Hải Phòng phải ký lại hợp đồng với doanh nghiệp theo thỏa thuận.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người bị kiện vẫn giữ nguyên quan điểm tại cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử và các người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng qui định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, xét kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án sơ thẩm là không có cơ sở; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính để bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, đồng thời kiến nghị với Sở TN&MT Hải Phòng ký lại các hợp đồng thuê đất với doanh nghiệp theo đúng qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo Đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 09/5/2018, người khởi kiện yêu cầu hủy QĐ số 141 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận L. Căn cứ Điều 30 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính; Đơn khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện và

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân quận L thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 31 Luật Tố tụng hành chính

[2] Về thời hạn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 12 năm 2018 người khởi kiện có đơn kháng cáo là đúng thời hạn kháng cáo qui định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính.

* *Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện:* Yêu cầu hủy Quyết định số 141/QĐ-CCT ngày 21/3/2018 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận L về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi tại Ngân hàng để nộp ngân sách nhà nước

[3] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Theo quy định tại Điều 94 Luật Quản lý thuế, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế thì Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận L ban hành QĐ số 141 là đúng thẩm quyền và người khởi kiện cũng đồng ý với quan điểm này.

[4] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính: Hết thời hạn 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn thông báo tạm nộp thuế mà Công ty S không nộp; căn cứ khoản 1 Điều 92, điểm a khoản 1 Điều 93 Luật Quản lý thuế, điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ và Điều 11 Thông tư số 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận L đã ban hành quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi tại ngân hàng để nộp ngân sách Nhà nước là đúng trình tự, thủ tục.

- Về nội dung ban hành quyết định hành chính:

[5] Tại Điều 2 HĐ số 25 quy định đơn giá thuê đất là 1.000 đồng/m^2 theo Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 13/4/2001 của Ủy ban nhân thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, đến ngày 21/12/2012, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 2049/QĐ-UBND bãi bỏ quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 13/4/2001. Như vậy, đơn giá cho thuê đất theo quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 13/4/2001 đã không còn hiệu lực.

[6] Theo quy định tại khoản 7 Điều 210 Luật Đất đai 2013 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2014) thì thời điểm tính tiền thuê đất sẽ theo qui định của Chính phủ; tại điểm a khoản 1 Điều 4 và Điều 11 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì Công ty Cổ phần S thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, nên mức giá thuê đất sẽ do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định nhưng không vượt quá 3% giá đất. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 2970/2014/QĐ-UBND ngày

25/12/2014 của quy định về bảng giá đất thành phố Hải Phòng 05 năm (2015-2019); Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 về việc điều chỉnh bảng giá các loại đất trên địa bàn 7 quận thành phố Hải Phòng 05 năm (2015 - 2019) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố Hải Phòng tại Công văn số 7454/UBND-CT ngày 10/10/2013 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước tại Cụm Công nghiệp V, UBND thành phố Hải Phòng đã giao cho Sở TN-MT ký lại hợp đồng thuê đất với các doanh nghiệp; giao cho Cục thuế thành phố chỉ đạo Chi cục Thuế quận L tạm tính tiền thuê đất theo chính sách hiện hành trong thời gian chờ ký lại hợp đồng thuê đất với các doanh nghiệp. Theo đó, Chi cục Thuế quận L đã tạm tính tiền thuê đất của Công ty S theo giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ theo vị trí I đường Nguyễn Sơn Hà như trên là đúng qui định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

[8] Về cơ sở để tính tiền chậm nộp: Chi cục Thuế Quận L tính số tiền chậm nộp theo 0,05 %/ngày từ 31/10/2015 đến 30/6/2016; 0,03 %/ngày từ 01/7/2016 đến ngày 20/12/2017 là đúng quy định của Điều 106 Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế số 71/2014/QH13 của Quốc hội ngày 26/11/2014 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế số 106/2016/QH13 của Quốc hội ngày 06/4/2016 và Điều 26 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[9] Xét HĐ số 25 qui định giá thuê đất và giá thuê cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 695/QĐ-UB ngày 13/4/2001 đã hết hiệu lực. Căn cứ vào nhận định tại mục [6] thì các bên phải điều chỉnh lại giá thuê đất theo qui định của pháp luật; điều này cũng phù hợp với qui định tại Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015 về việc thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Phía Công ty Hải Long cho rằng họ không nhận được thông báo của Sở TN&MT về việc phải ký lại hợp đồng nên họ chỉ nộp tiền thuê đất theo giá cũ. Tuy nhiên, Chi cục Thuế mới chỉ thông báo số tiền thuế tạm nộp trong thời gian chờ quyết định cuối cùng của Ủy ban nhân dân thành phố. Theo qui định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Quản lý thuế thì số tiền thuế tạm nộp, tiền phạt chậm nộp thuế nếu thừa sẽ được bù trừ với các loại thuế khác của doanh nghiệp hoặc hoàn trả lại theo qui định của pháp luật. Theo qui định của pháp luật, nộp thuế là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, cá nhân. Trong lúc Thành phố Hải Phòng đang tập trung tăng thu ngân sách và có nhiều doanh nghiệp đã nghiêm chỉnh chấp hành, nhưng vẫn còn một số cá nhân, tổ chức vẫn tìm mọi cách để thoái thác nghĩa vụ. Vì vậy, cơ quan Thuế cần kiên quyết áp dụng chính sách thu thuế thống nhất với tất cả các đối tượng như trên mới đảm bảo tính cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp và tăng nguồn thu nộp Ngân sách.

[10] Đối với việc Sở TN-MT vẫn chưa thực hiện xong việc ký lại hợp đồng thuê đất theo chỉ đạo của UBND thành phố tại công văn số 7454/UBND-CT ngày 10/10/2013 cũng là một trong các nguyên do dẫn đến tranh chấp. Hội đồng xét xử thấy cần kiến nghị khắc phục vấn đề này theo quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với qui định của pháp luật.

[11] Đối với quan điểm của Công ty S đề nghị được điều chỉnh giá thuê đất theo khoản 7 Điều 15 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước; khoản 2 Điều 4 Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT- BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Nhưng đối chiếu với các quy định trên thì HĐ số 25 được sau ngày 01/01/2006 và không áp dụng đơn giá tại Quyết định số 1357/QĐ-TCT ngày 30/12/1995 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty S không phải đối tượng được áp dụng điều chỉnh đơn giá đất theo Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài Chính như quan điểm của người bị kiện là có cơ sở.

[12] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án nhân dân quận L bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Người khởi kiện kháng cáo yêu cầu hủy QĐ số 141 là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[13] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 241 và Điều 348 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 114, khoản 7 Điều 210 Luật Đất đai 2013; Điều 47, Điều 48, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 106 Luật Quản lý thuế; khoản 4 Điều 5 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật Thuế số 71/2014/QH13 và khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế số 106/2016/QH13;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013; Điều 2, Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 4, Điều 11, Điều 15, Điều 26 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về yêu cầu hủy Quyết định số 141/QĐ-CCT ngày 21/3/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận L về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi tại Ngân hàng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chỉ đạo Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng ký lại các hợp đồng thuê đất với doanh nghiệp thuê đất trên địa bàn, nhằm đảm bảo thu ngân sách và ổn định môi trường đầu tư theo đúng qui định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Công ty Cổ phần S phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012581 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L. Công ty Cổ phần S đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Hạnh